

Bản án số 31/2020/DS-ST

Ngày 15.9.2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và ông Phạm Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 18.02.2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 17.6.2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-DS ngày 14.7.2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Mỹ N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 60 phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số K76/5B đường T, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số K76/5B đường T, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Cao Thị Mỹ N trình bày:*

Vào ngày 02/7/2019, tôi có cho bà Lê Thị Tuyết D vay số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), trong đó tôi chuyển khoản cho bà D 125.000.000đ và đưa tiền mặt 55.000.000đ, và thỏa thuận mỗi tháng trả tiền lãi 1.500.000đ. Khi cho vay, tôi không yêu cầu viết giấy vay tiền, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng là đến khi nào tôi cần lấy lại số tiền này thì thông báo trước 02 ngày để bà D trả tiền cho tôi. Sau đó, bà D đã trả cho tôi 30.000.000đ tiền nợ gốc và 3.000.000đ tiền lãi,

số tiền còn lại tôi đã nhiều lần yêu cầu bà D thanh toán nhưng bà chỉ hứa hẹn mà không trả nợ. Đến ngày 11/11/2019, do bà D còn nợ của tôi 150.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh nên tôi yêu cầu bà D viết giấy mượn tiền và bà D đã đồng ý trả nợ với phương thức như sau: Ngày 18/11/2019, trả số tiền 50.000.000đ; ngày 18/01/2020, trả số tiền 100.000.000đ và trả tiền lãi mỗi tháng 1.500.000đ. Đồng thời ông Nguyễn Quốc H (chồng của bà D) cũng cam kết trong giấy mượn tiền là nếu bà D không trả nợ được thì ông H đồng ý trả nợ thay cho bà D. Nhưng đến nay bà D và ông H vẫn trốn tránh, không thanh toán cho tôi theo như thỏa thuận.

Do đó tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Tuyết D và ông Nguyễn Quốc H phải liên đới trả cho tôi số tiền nợ là 163.500.000đ, trong đó: 150.000.000đ tiền gốc và 13.500.000đ tiền lãi (lãi tạm tính từ ngày 02/7/2019 đến ngày 02/5/2020, đã trừ 3.000.000đ tiền lãi bà D đã trả).

** Bị đơn là bà Lê Thị Tuyết D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Tôi xác nhận tôi có vay tiền của bà Cao Thị Mỹ N số tiền 180.000.000đ, khi vay tôi không viết giấy mượn tiền mà chúng tôi chỉ thỏa thuận bằng miệng là đến khi nào bà N yêu cầu trả tiền thì tôi sẽ thanh toán tiền nợ cho bà N. Sau đó, tôi đã trả cho bà N 30.000.000đ. Đến ngày 11/11/2019, tôi viết giấy mượn tiền cho bà N với nội dung: Tôi đồng ý trả số tiền nợ 150.000.000đ còn lại và trả trong 02 đợt: Ngày 18/11/2019, trả số tiền 50.000.000đ; ngày 18/01/2020, trả số tiền 100.000.000đ. Đồng thời, khi cho vay bà N có yêu cầu tôi trả tiền lãi nhưng số tiền lãi cụ thể mỗi tháng phải trả bao nhiêu thì tôi không biết. Tuy nhiên, vì công việc làm ăn của tôi gặp khó khăn nên đến nay tôi chưa có điều kiện trả nợ cho bà N. Nay bà N yêu cầu tôi thanh toán tiền nợ vay thì tôi đồng ý trả số tiền 150.000.000đ và đề nghị trả mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết số tiền nợ.

Việc bà N yêu cầu chồng tôi là ông Nguyễn Quốc H liên đới trả số tiền nợ trên thì tôi không đồng ý vì tôi đã đồng ý trả số tiền nợ cho bà N nên việc vay tiền này không liên quan đến chồng tôi.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc H vắng mặt nhưng có trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Ông H có biết sự việc vợ là bà Lê Thị Tuyết D vay tiền của bà Cao Thị Mỹ N để làm ăn. Tuy nhiên vì công việc làm ăn khó khăn nên bà D không có điều kiện trả nợ cho bà N. Sau đó, ông H có ghi vào giấy mượn tiền ngày đề ngày 11/11/2019 là nếu bà D không trả nợ được cho bà N thì ông H sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền nợ thay. Hiện nay, bà N khởi kiện tại Tòa án yêu cầu trả tiền thì bà N và bà D tự thỏa thuận việc trả nợ, ông H không liên quan. Đồng thời, ông H đồng ý phương thức trả nợ là mỗi tháng trả 2.000.000đ mà bà D đề nghị.

Tại phiên tòa, ông H vắng mặt nhưng có đơn trình bày gửi Tòa án với nội dung đồng ý trả nợ cùng với vợ là bà Lê Thị Tuyết D cho bà Cao Thị Mỹ N nhưng đề nghị được trả mỗi tháng 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Cao Thị Mỹ N và bị đơn là bà Lê Thị Tuyết D là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận Thanh Khê, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Bà Cao Thị Mỹ N yêu cầu bà Lê Thị Tuyết D phải trả số tiền 150.000.000đ tiền gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào giấy mượn tiền của bà D ký ngày 11.11.2019 (Dương lịch) đã xác định bà D có mượn của bà N số tiền 150.000.000đ, hai bên đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Hai bên thỏa thuận phương thức và thời gian trả tiền là vào ngày 18/11/2019, bà D trả số tiền 50.000.000đ; ngày 18/01/2020 bà D trả tiếp số tiền 100.000.000đ, các bên có thỏa thuận sẽ trả tiền lãi nhưng không xác định cụ thể mức lãi suất bao nhiêu. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi do các bên tự nguyện giao kết nên được bảo vệ và đảm bảo thực hiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, giao dịch vay tiền giữa bà N và bà D là tự nguyện và được pháp luật bảo vệ, do đó các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản cam kết trong hợp đồng. Bà D đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc như cam kết, bà N đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà D trả tiền nhưng đến nay bà D vẫn không trả. Như vậy, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà D có nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000đ tiền gốc là có căn cứ.

Về yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà D là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tiền về trả tiền gốc và tiền lãi, yêu cầu của bà N buộc bà D phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể số tiền lãi từ ngày 11.11.2019 đến ngày 15.9.2020 (10 tháng 04 ngày) theo mức lãi suất 1%/tháng là 15.200.000đ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc H, là chồng bà D phải có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, số nợ trên bà D mượn bà N để sử dụng vào mục đích

chung của vợ chồng, gia đình. Tại phiên tòa, bà D xác định đây là nợ chung, ông H vắng mặt nhưng có đơn đồng ý cùng vợ là bà D trả nợ cho bà N, việc này phù hợp với cam kết của ông H trong giấy mượn tiền là sẽ trả nợ thay khi bà D không trả được. Hội đồng xét xử xét thấy ông H cũng có trách nhiệm với việc bảo lãnh của mình khi bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy, tổng số tiền bà D ông H có nghĩa vụ trả cho bà N là 165.200.000đ, trong đó tiền gốc là 150.000.000đ và tiền lãi là 15.200.000đ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị Tuyết D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc H phải chịu theo quy định của pháp luật là 8.260.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự
- Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Cao Thị Mỹ N đối với bà Lê Thị Tuyết D.

Xử:

- Buộc vợ chồng bà Lê Thị Tuyết D và ông Nguyễn Quốc H phải trả cho bà Cao Thị Mỹ N số tiền 165.200.000đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng*), trong đó 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 15.200.000đ (*mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Tuyết D và ông Nguyễn Quốc H phải chịu 8.260.000đ (*tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Bà Cao Thị Mỹ N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.975.000đ (*ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 1776 ngày 18.02.2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Cường